TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ Đ** Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST Ngày: 27/03/2018 V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Kim Nhung
*Các Hội thẩm nhân dân:*Bà Nguyễn Thị Kim Ngân
Ông Mai Hồ Hải Thành
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo - Thư ký TAND quận S, thành phố Đ.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 14/03/2018; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Bích Ng** - Sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 65 phường Th, quận S, TP. Đ. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Văn H** - Sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 66 phường Th, quận S, TP. Đ. *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện gửi đến Toà án ngày 08/11/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Bích Ng trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn H kết hôn vào năm 1999, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận S, thành phố Đ. Sau Khi kết hôn bà Trần Thị Bích Ng và ông Lê Văn H sống tại tổ 66, phường Th, quận S, thành phố Đ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống và tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên có lời qua tiếng lại và nhiều lần ông Lê Văn H dùng vũ lực đe dọa tính mạng bà đã được công

an khu vực giải quyết. Mâu thuẫn được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Bà Trần Thị Bích Ng và ông Lê Văn H đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, bà về sống tại nhà mẹ ở tổ 64 phường Th, ông Lê Văn H sống tại tổ 66, không ai quan tâm gì đến ai. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của bà đối với ông Lê Văn H không còn, do đó bà xin được ly hôn với chồng bà là ông Lê Văn H .

- Về quan hệ con chung: Bà xác định giữa bà và ông Lê Văn H có 03 con chung tên: Lê Trần Ngân H, sinh ngày 01/10/1999 và Lê Trần Phi H, sinh ngày 13/4/2006. Lê Trần Mỹ H, sinh ngày 26/11/2009. Theo đơn khởi kiện, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con con Lê Trần Phi H, sinh ngày 13/4/2006. Lê Trần Mỹ H, sinh ngày 26/11/2009. Còn con Lê Trần Ngân H, sinh ngày 01/10/1999 đã đến tuổi trưởng thành cháu muốn ở với ai tùy cháu không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôi yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi hai con Phi H và Mỹ H mỗi cháu 1.000.000 đồng/ 01 tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà Trần Thị Bích Ng và ông Lê Văn H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Bích Ng xác định không có nợ chung:

****** *Đối với bị đơn – ông Lê Văn H mặc dù đã được Tòa án đã giao các thông báo về các phiên hòa giải nhưng ông H đều vắng mặt nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Lê Văn H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất như lời trình bày của bà Trần Thị Bích Ng . Vợ chồng tôi kết hôn vào năm 1999, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận S, thành phố Đ. Sau Khi kết hôn bà Trần Thị Bích Ng và tôi sống tại tổ 66, phường Th, quận S, thành phố Đ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống và tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên có lời qua tiếng lại, tôi nhiều lần có hành vi dùng vũ lực đánh bà Trần Thị Bích Ng và đã được chính quyền địa phương lập biên bản. Nay tôi và bà Trần Thị Bích Ng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, bà Trần Thị Bích Ng về sống tại nhà mẹ ở tổ 64 phường Th, còn tôi sống tại tổ 66, không ai quan tâm gì đến ai. Nay bà Trần Thị Bích Ng yêu cầu được ly hôn tôi không đồng ý. Tôi muốn vợ chồng cùng nhau chung sống để xây dựng gia đình nuôi dạy con cái.

- Về quan hệ con chung: Tôi và bà Trần Thị Bích Ng có 03 con chung tên: Lê Trần Ngân H, sinh ngày 01/10/1999 và Lê Trần Phi H, sinh ngày 13/4/2006. Lê Trần Mỹ H, sinh ngày 26/11/2009, bà Trần Thị Bích Ng có nguyện vọng được trực tiếp

nuôi dưỡng hai con con Lê Trần Phi H, sinh ngày 13/4/2006. Lê Trần Mỹ H, sinh ngày 26/11/2009. Còn con Lê Trần Ngân H, sinh ngày 01/10/1999 đã đến tuổi trưởng thành cháu muốn ở với ai tùy cháu không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Trần Thị Bích Ng yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi hai con Phi H và Mỹ H mỗi cháu 1.000.000 đồng/ 01 tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi tôi không có ý kiến gì. Nếu ly hôn, đề nghị Tòa án xét xử về ly hôn và nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung: Nếu ly hôn, tôi và Bà Trần Thị Bích Ng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: tôi xác định không có nợ chung:

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật; riêng bị đơn – ông Lê Văn H vắng mặt tại các phiên hòa giải, không chấp hành triệu tập của Tòa án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- bà Trần Thị Bích Ng về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung đối với ông Lê Văn H . Về tài sản chung: bà Trần Thị Bích Ng và ông Lê Văn H đều khai tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết. Về nợ chung: bà Trần Thị Bích Ng và ông Lê Văn H khai không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của bà Trần Thị Bích Ng nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Bà Trần Thị Bích Ng và ông Lê Văn H đăng kết hôn vào năm 1999, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận S, thành phố Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 25/5/1999. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sống với nhau tại tổ 66, phường Thọ Quang, quận S, thành phố Đ. Tại phiên tòa hôm nay ông Lê Văn H và bà Trần Thị Bích Ng đều

xác nhận, vợ chồng ông bà sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống và tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên có lời qua tiếng lại và nhiều lần ông Lê Văn H dùng vũ lực đe dọa tính mạng bà Trần Thị Bích Ng . Mâu thuẫn được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Bà Trần Thị Bích Ng và ông Lê Văn H đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị Bích Ng xác định không còn yêu thường ông Lê Văn H nữa, bà Trần Thị Bích Ng xin được ly hôn.

Về phía ông Lê Văn H , Tại phiên tòa hôm nay, ông đề nghị vợ chồng được đoàn tụ và không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trần Thị Bích Ng.

[3] Xét yêu cầu của bà Trần Thị Bích Ng thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa bà Trần Thị Bích Ng và ông Lê Văn H lại không làm được điều này. Qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của bà Trần Thị Bích Ng và ông Lê Văn H thì đã được chính quyền địa phương cung cấp và xác định mẫu thuẫn của vợ chồng ông Lê Văn H và bà Trần Thị Bích Ng bắt đầu từ năm 2013, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Lê Văn H có dùng vũ lực đối với bà Trần Thị Bích Ng . Bà Ng và ông H thường xuyên cải vã. Riêng đối với ông Lê Văn H , Tòa án đã tạo điều kiện nhiều lần để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, trở về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng ông Lê Văn H đều vắng mặt tại các phiên hòa giải. Việc này cho thấy ông Lê Văn H không tôn trọng Tòa án và thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình. Xét thấy, mâu thuẫn của bà Ng và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ng đối với ông H là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Trần Thị Bích Ng và ông Lê Văn H xác định có 03 con chung tên: Lê Trần Ngân Hà, sinh ngày 01/10/1999 và Lê Trần Phi Hồng, sinh ngày 13/4/2006, Lê Trần H, sinh ngày 26/11/2009.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị Bích Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con Lê Trần Phi Hvà Lê Trần H cho đến khi hai con đủ 18 tuổi Bà Trần Thị Bích Ng yêu cầu ông Lê Văn H cấp dưỡng nuôi hai con Phi Hvà Mỹ Hằng mỗi cháu 1.000.000 đồng/ 01 tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi còn con Lê Trần Ngân Hà đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Lê Văn H đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Xét yêu cầu về nuôi con chung của bà Trần Thị Bích Ng thì thấy: Theo nguyện vọng của các cháu thì cả hai đều muốn ở với mẹ, tại phiên tòa bà Trần Thị Bích Ng trình bày bà đảm bảo điều kiện kinh tế và chổ ở để nuôi dạy hai con, hiện nay bà làm công nhân cho Xí nghiệp Môi trường S, thành phố Đ, thu nhập mỗi tháng

5.200.000đồng, bà đang ở với mẹ đẻ. Nên HĐXX xét thấy cần giao hai con Lê Trần Phi Hồng, sinh ngày 13/4/2006. Lê Trần H, sinh ngày 26/11/2009 cho Bà Trần Thị Bích Ng được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi, ông Lê Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con Phi Hvà Mỹ Hằng mỗi cháu 1.000.000 đồng/ 01 tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của bà Trần Thị Bích Ng là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 81,82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên cần xem xét chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: bà Trần Thị Bích Ng và ông Lê Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà Trần Thị Bích Ng và ông Lê Văn H không có nợ chung.

[8] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng bà Trần Thị Bích Ng phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Lê Văn H phải chịu: 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 51; Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" của bà Trần Thị Bích Ng đối với ông Lê Văn H

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Bích Ng được ly hôn ông Lê Văn H .

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Bích Ng đối với ông Lê Văn H nên giấy chứng nhận kết hôn số 39 do UBND phường Mân Thái, quận S, thành phố Đ cấp ngày 25/5/1999 cho bà Trần Thị Bích Ng và ông Lê Văn H không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung Lê Trần Phi Hồng, sinh ngày 13/4/2006 và Lê Trần H, sinh ngày 26/11/2009 cho Bà Trần Thị Bích Ng được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi, ông Lê Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con Phi H và Mỹ H mỗi cháu 1.000.000 đồng/ 01 tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu kể từ ngày 27.3.2018.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con chung hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí HNGĐ-ST 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Trần Thị Bích Ng phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 008298 ngày 10.11.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đ. Bà Trần Thị Bích Ng đã nộp đủ án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Lê Văn H phải chịu: 300.000 đồng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Dương Thị Kim Nhung